

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

Số: 27/2025/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 03 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức nộp tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa; nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ, việc sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 26

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Xét Tờ trình số 94/TTr-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức nộp tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa, trừ các công trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công hoặc vốn nhà nước ngoài đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng (sau đây gọi là tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa); nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2. Đối tượng áp dụng

Người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa; Cơ quan nhà nước, người sử dụng đất

trồng lúa và các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Mức nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa

$$\begin{array}{l} \text{Mức nộp tiền bảo} \\ \text{vệ, phát triển đất} \\ \text{trồng lúa} \end{array} = 50\% \quad (x) \quad \begin{array}{l} \text{Diện} \\ \text{tích} \end{array} \quad (x) \quad \text{Giá đất}$$

Trong đó:

Diện tích: Là phần diện tích đất chuyên trồng lúa phải chuyển sang mục đích phi nông nghiệp (ghi cụ thể trong quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa sang đất phi nông nghiệp của cơ quan có thẩm quyền).

Giá đất để tính tiền thu, nộp: Được xác định theo giá đất trồng lúa (đất trồng cây hằng năm) tại Bảng giá đất tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất do cấp có thẩm quyền ban hành.

Điều 3. Nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ

1. Nguyên tắc hỗ trợ

Nguồn kinh phí thu từ tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định (thực hiện điều tiết 100% ngân sách cấp tỉnh) và nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ sản xuất lúa trong dự toán chi cân đối ngân sách địa phương, được phân bổ, bố trí sử dụng cho mục đích tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa ở các vùng quy hoạch trồng lúa; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa; các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn theo nguyên tắc:

a) Bố trí kinh phí theo đề xuất của các đơn vị cấp tỉnh để thực hiện các nội dung quy định tại khoản 3 Điều này, nhưng tối đa không quá 50% tổng nguồn kinh phí đất trồng lúa.

b) Số kinh phí còn lại phân bổ cho ngân sách cấp huyện để thực hiện các nội dung quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Phạm vi hỗ trợ: Vùng quy hoạch trồng lúa; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa; các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

3. Định mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa:

Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện (01) dự án, mô hình sử dụng giống lúa hợp pháp, áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận, xây dựng mô hình trình diễn (đối với tất cả các địa bàn), nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án, mô hình;

Hỗ trợ kinh phí chi hoạt động khuyến nông, tổ chức đào tạo, tập huấn và Hỗ trợ kinh phí thực hiện liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm: Nội dung chi và

mức chi thực hiện theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang và pháp luật hiện hành.

b) Hỗ trợ 100% kinh phí cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Hỗ trợ 100% kinh phí đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 5 năm/lần.

d) Hỗ trợ 100% kinh phí sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Hỗ trợ 100% kinh phí mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ.

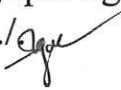
4. Sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ

Các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ có trách nhiệm sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; thực hiện đầy đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định của pháp luật liên quan đến nội dung được hỗ trợ và hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Quy định mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Khóa XIX, Kỳ họp thứ 26 thông qua ngày 03 tháng 4 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 4 năm 2025. / 

Nơi nhận: 

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIX;
- Thường trực: Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Hương

